

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2019/DS-PT

Ngày: 27 - 03 - 2019

V/v tranh chấp chia tài sản chung và
chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ánh

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Tú Oanh

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27/03/2019, tại Phòng xử án dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019, về: “Tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1142/2018/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 623/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1405/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Trương Hữu N**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: Đường D, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H, sinh năm 1955; Địa chỉ: Đường H1, Phường E1, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 14/03/2019 tại Văn phòng Công chứng B1, số 000836, quyền số 03 TP/CC-SCC/HĐGD) (có mặt).

Đồng Bị đơn:

1. Bà Trương Thị Thúy M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp H2, xã E2, huyện K2, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 04/03/2019 tại Văn phòng Công chứng B2, số 002323, quyền số 03/2019/ TP/CC-SCC/HĐGD) (có mặt);

2. Bà Trương Thị Thu V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Hữu T, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường D2, Phường E2, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hữu N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 004175, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 31/5/2013 tại Văn phòng Công chứng A2) (có mặt);

2. Bà Trương Lệ N, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thúy M, sinh năm 1963 (Văn bản ủy quyền số: 44068, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/12/2015 tại Phòng Công chứng A3, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt);

3. Bà Trương Lệ L, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt);

4. Bà Chu Thị O, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L và bà O: Ông Trương Hữu N, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền lập cùng ngày 19/9/2018, số 015826, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng A3 và số 32777, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2 Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

5. Cháu Trương Ngọc P, sinh năm 2002.

Người đại diện hợp pháp của cháu P: Bà Chu Thị O, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

6. Bà Trần Thị Ngọc R, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà R: Ông Trương Hữu N, sinh năm 1966; địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền lập ngày 19/9/2018, số 32777, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2 Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt);

7. Bà Trương Ngọc Cẩm S, sinh năm 1985 (vắng mặt);

8. Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà S và ông T: Bà Trần Thị Ngọc R, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền số 004603, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/6/2013 tại Văn phòng Công chứng A3) (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường D1, Phường E1, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

9. Ông Lê Hữu U, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt);

10. Ông Lê Hữu X, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

11. Ông Hoàng Thanh Y, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt);

12. Ông Hoàng Thanh I, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt);

13. Ông Lê Hữu PA, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt);

14. Ông Hoàng Thanh TI, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt);

15. Cháu Hoàng Thanh PT, sinh ngày 07/9/2001. Người đại diện hợp pháp của cháu PT: Bà Trương Lệ L, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2007, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/9/2016 và các lời khai tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trương Hữu N (ông N đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Hữu T) trình bày:

Nguồn gốc nhà, đất số 731/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ ông là ông Trương Hữu Đ (chết năm 2012) và bà Đoàn Thị TH (chết năm 1974) tạo dựng trước năm 1975. Căn nhà trên được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/4/2002, hồ sơ gốc số 8688/2002 cho ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH đứng tên. Giấy tờ nhà bản chính hiện do ông Trương Hữu N giữ. Ông Đ và bà TH có tất cả 08 người con chung gồm:

1/ Bà Trương Lệ N;

2/ Ông Trương Hữu T;

3/ Ông Trương Hữu TN (chết năm 1989). Ông TN có vợ là bà Trần Thị Ngọc R (có giấy đăng ký kết hôn số 17, quyền số 1/85 ngày 15.6.1985 lập tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) và 02 con Trương Ngọc Cẩm S và Trương Ngọc T;

4/ Bà Trương Lệ L;

5/ Bà Trương Thị Thúy M;

6/ Ông Trương Hữu N;

7/ Bà Trương Thị Thu V;

8/ Ông Trương Thanh TG (chết năm 2003) có vợ là bà Chu Thị O (không có giấy đăng ký kết hôn) và con là Trương Ngọc P.

Ngoài 08 người con chung kể trên ông Đ và bà TH không có con riêng và con nuôi.

Khi mẹ ông chết, ông bà ngoại đã chết. Ông nhớ bà ngoại tên Mai, còn ông ngoại tên gì ông không biết chỉ nhớ họ Đoàn và ông bà ngoại là người sống ở An Giang. Khi ba ông còn sống, nghe ba ông nói ông nội chết khi ba ông còn nhỏ, còn bà nội sau năm 1975 có lên nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thăm các cháu và bà nội chết khoảng năm 1980 ở quê nhà Vĩnh Long.

Ông N thừa nhận và xác định vợ của ông Trương Hữu TN là bà Trần Thị Ngọc R và vợ của ông Trương Thanh TG là bà Chu Thị O.

Ngoài căn nhà này, ông Đ và bà TH không còn tài sản chung, tài sản riêng nào khác. Ông N xác định phần tài sản của mẹ để lại là tài sản chung chưa được chia theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, căn nhà trên bà Trương Thị Thúy M đang quản lý.

Nay ông Trương Hữu N yêu cầu được chia phần tài sản chung do mẹ là bà Đoàn Thị TH để lại theo pháp luật và được nhận phần thừa kế của cha là ông Trương Hữu Đ để lại theo Di chúc số 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD được lập hợp pháp tại Phòng Công chứng A2 ngày 16/01/2008 và nhận phần di sản mà bà Trương Lệ L, bà Trần Thị Ngọc R, cùng 02 con là Trương Ngọc Cẩm S và Trương Ngọc T; bà Chu Thị O cùng con là cháu Trương Ngọc P được hưởng từ tài sản chung do bà Đoàn Thị TH để lại vì giữa ông và các bà nêu trên đã có thỏa thuận. Hiện tại, ông và gia đình đang ở nhà thuê nên ông có nguyện vọng được chia thừa kế theo hiện vật.

Bị đơn bà Trương Thị Thu V, bà Trương Thị Thúy M và đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Lệ N trình bày:

Các bà Thúy M và Thu V đồng ý với lời khai của ông N nguồn gốc căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ là ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH tạo lập, ngoài tài sản này thì không còn tài sản nào khác.

Cha mẹ của các bà sinh ra 08 người con như ông N đã khai. Hai bà xác định tài sản của mẹ bà Đoàn Thị TH để lại là tài sản chung cho 08 người con và ba (vì lúc đó ba còn sống) chưa được chia. Ngoài 08 người con chung kể trên ba mẹ của hai bà không có con riêng và con nuôi.

Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc R (vợ của ông Trương Hữu TN) và bà Chu Thị O (vợ của ông Trương Thanh TG) là vợ đầu tiên và duy nhất của anh và em trai của hai bà nên việc 02 người con dâu và các con của ông TN và ông TG được nhận tài sản theo quy định của pháp luật các bà không có ý kiến.

Hai bà Thúy M và Thu V không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Trương Hữu N. Vì khi ông Trương Hữu Đ còn sống có ý nguyện căn nhà sẽ chia đều cho các con nên đã để lại di chúc được lập ngày 30/11/2008 có người làm chứng. Đồng thời, ông Trương Hữu Đ có lập tờ tường trình không ghi ngày tháng năm 2008 xin hủy bỏ giấy ủy quyền chia tài sản đối với Trương Hữu N căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A. Việc ba của các bà đến Phòng Công chứng lập di chúc cho ông Trương Hữu N, không phải là ý nguyện của ông.

Bà Thúy M không có nhu cầu mua lại căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bà yêu cầu nhà phải được giữ lại làm nơi thờ cúng cha mẹ, hai bà chỉ đồng ý bán nhà với điều kiện tài sản này phải được chia đều cho 08 người con.

Hiện tại căn nhà trên chỉ có bà M đang ở cùng 02 con Lê Hữu X và Lê Hữu PA.

Ông Trương Hữu N, bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V cùng trình bày: Các ông bà không yêu cầu tòa giải quyết các khoản chi phí viện phí, ma chay cho ông Trương Hữu Đ và các khoản chi phí bỏ ra sửa chữa tôn tạo căn nhà và đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Lệ L, bà Trần Thị Ngọc R (bà R đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Ngọc Cẩm S và ông Trương Ngọc T), bà Chu Thị O (đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho cháu Trương Ngọc P) trình bày: Các bà thống nhất theo lời trình bày của ông Trương Hữu N. Giữa các bà và ông Trương Hữu N đã có sự tự nguyện thỏa thuận, ông N đã giao cho các bà một khoản tiền tương đương với phần được chia trong di sản mẹ để lại nên các bà đồng ý giao phần được hưởng từ việc chia tài sản chung của bà Đoàn Thị TH lại cho ông N và xin được vắng mặt ở tất cả các giai đoạn tố tụng.

- Ông Lê Hữu U, ông Lê Hữu X, ông Hoàng Thanh Y, ông Hoàng Thanh I, ông Lê Hữu PA, ông Hoàng Thanh TI, trẻ Hoàng Thanh PT (bà Trương Lệ L là người đại diện theo pháp luật): Cùng yêu cầu xin được vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1142/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1/ Xác định phần nhà và đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH.

2/ Công nhận toàn bộ di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16.01.2008- số 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp đối với phần sở hữu của ông Đ và phần ông Đ được thừa kế của vợ là bà Đoàn Thị TH trong căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hữu N xin chia tài sản chung và chia thừa kế theo di chúc đối với căn nhà và đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Di sản của là Đoàn Thị TH là $\frac{1}{2}$ căn nhà và đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh được chia theo quy định của pháp luật.

Những người được nhận di sản của bà Đoàn Thị TH gồm: Bà Trương Lệ N; ông Trương Hữu T; bà Trương Lệ L; bà Trương Thị Thúy M; ông Trương Hữu N; bà Trương Thị Thu V; bà Trần Thị Ngọc R cùng 02 con gồm bà Trương Ngọc Cẩm S; ông Trương Ngọc T; bà Chu Thị O và con là trẻ Trương Ngọc P.

Những người được nhận thừa kế của ông Trương Hữu Đ từ phần thừa kế ông Đ được nhận từ hai con trai Trương Hữu TN và Trương Thanh TG gồm bà Trương Lệ N; ông Trương Hữu T; bà Trương Lệ L; bà Trương Thị Thúy M; ông Trương Hữu N; bà Trương Thị Thu V.

Người được nhận thừa kế theo di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16.01.2008- số 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh là ông Trương Hữu N.

Ghi nhận sự tự nguyện chuyển giao phần di sản được hưởng từ bà Đoàn Thị TH để lại của bà Trương Lệ L; bà Trần Thị Ngọc R, cùng hai con là chị Trương Ngọc Cẩm S và anh Trương Ngọc T; bà Chu Thị O, cùng con là trẻ Trương Ngọc P cho ông Trương Hữu N.

5/ Giao cho ông Trương Hữu N được quyền sở hữu căn nhà và đất số 731/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01.4.2002, hồ sơ gốc số 8688/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền đối với căn nhà nêu trên.

Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền đối với căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để được sở hữu phần nhà và đất nêu trên ông Trương Hữu N tự nguyện chịu.

Ông Trương Hữu N có trách nhiệm giao cho bà Trương Lệ N, ông Trương Hữu T, bà Trương Thị Thúy M, bà Trương Thị Thu V mỗi người 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và giao cho bà Trương Lệ L 3.605.770đ (ba triệu sáu trăm lẻ năm nghìn bảy trăm bảy mươi đồng) trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6/ Trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trương Thị Thúy M và những người hiện đang cư ngụ tại căn nhà và đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giao căn nhà trên cho ông Trương Hữu N.

7/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trương Lệ N, ông Trương Hữu T, bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Trương Lệ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

- Ông Trương Hữu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông N số tiền đã tạm ứng án phí 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002121 ngày 31.12.2007 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận ông Trương Hữu N tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản.

Nếu quá thời hạn 03(ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông N chưa giao số tiền cho các đồng thừa kế thì bà N, ông T; bà L; bà Thúy M và bà V có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi phần nhà và đất của căn nhà số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường 04, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về các quy định thi hành án dân sự.

Ngày 05/11/2018, đồng bị đơn là bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đồng bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

- Đồng bị đơn là bà Trương Thị Thúy M (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q đại diện) trình bày: Phía bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay sau khi được Hội đồng xét xử phân tích các quy định của pháp luật cũng như vấn đề đạo đức, tình nghĩa anh em ruột trong gia đình giữa các đương sự, đồng bị đơn là bà M đề xuất phương án hòa giải với nguyên đơn như sau:

Thứ nhất, xác định nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH. Trị giá nhà, đất này là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và lấy giá này làm căn cứ chia tài sản chung và chia thừa kế;

Ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH có 08 người con chung là: Trương Lệ N, Trương Hữu T, Trương Hữu TN, Trương Lệ L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N, Trương Thị Thu V, Trương Thanh TG. Tại thời điểm ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH chết, cha mẹ của ông Đ và bà TH đã chết.

Thứ hai, công nhận toàn bộ di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16/01/2008, số công chứng 2429, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

Thứ ba, giao cho ông N được quyền sở hữu nhà, đất tranh chấp. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền nhà do ông N chịu.

Ông N có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Bà M và những người đang cư trú trong nhà có nghĩa vụ bàn giao nhà, đất nói trên cho ông N. Việc giao tiền và giao nhà thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực. Nếu hết thời hạn nói trên mà các bên chưa thực hiện theo thỏa thuận thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản tranh chấp để chia theo kỷ phần thừa kế mà mỗi người được nhận.

Bà M không có ý kiến gì đối với việc bà Trương Lệ L, bà Trần Thị Ngọc R cùng 02 con là Trương Ngọc Cẩm S và Trương Ngọc T, bà Chu Thị O cùng con là cháu Trương Ngọc P nhường quyền thừa kế mà họ được nhận từ tài sản chung do bà Đoàn Thị TH để lại cho ông N, vì đó là sự tự nguyện thỏa thuận giữa họ. Án phí các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

- *Đồng bị đơn là bà Trương Thị Thu V trình bày:* Tôi có cùng ý kiến như người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Thúy M trình bày. Tôi không trình bày thêm, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Tôi chỉ nhận phần thừa kế mà tôi được nhận theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì đối với việc các đương sự khác nhường quyền thừa kế của mình cho ông N. Án phí các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

- *Nguyên đơn – ông Trương Hữu N (ủy quyền cho ông Lê Minh H đại diện) trình bày:* Nguyên đơn không kháng cáo bản án sơ thẩm, nhưng nay đồng bị đơn đưa ra phương án hòa giải thì nguyên đơn cũng đồng ý toàn bộ nội dung thỏa thuận này. Nguyên đơn xác định nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH. Trị giá nhà, đất này là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng và lấy giá này làm căn cứ chia tài sản chung và chia thừa kế.

Ông Đ và bà TH có 08 người con chung như bị đơn trình bày, không có con riêng, không có con nuôi. Tại thời điểm ông Đ và bà TH chết, cha mẹ của ông Đ và bà TH đều đã chết.

Công nhận toàn bộ di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16/01/2008, số 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần thừa kế mà ông Đ được nhận từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG sẽ được chia cho 06 người con còn lại của ông Đ là Hoa, Thành, Liễu, Mai, Nghĩa và Thu V.

Nguyên đơn đồng ý nhận nhà, đất tranh chấp. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền, ông N tự nguyện chịu.

Ông N có nghĩa vụ hoàn trả kỷ phần thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật. Bà M và những người đang cư trú tại nhà, đất tranh chấp phải giao nhà cho nguyên đơn.

Ông N nhận phần di sản mà bà Trương Lệ L, bà Trần Thị Ngọc R, cùng 02 con là Trương Ngọc Cẩm S và Trương Ngọc T, bà Chu Thị O cùng con là cháu Trương Ngọc P được hưởng từ tài sản chung do bà Đoàn Thị TH để lại, vì giữa nguyên đơn và các bà nêu trên đã có thỏa thuận.

Phần thừa kế mà ông Đ được nhận từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG sẽ được chia cho 06 người con còn lại của ông Đ là Hoa, Thành, Liễu, Mai, Nghĩa và Thu V. Ông N tự nguyện hỗ trợ cho bà M 50.000.000 đồng để bà M ổn định cuộc sống.

Thời hạn giao nhà và giao tiền là 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu hết thời hạn nói trên mà các bên chưa thực hiện theo thỏa thuận thì các bên có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản tranh chấp để chia theo kỷ phần thừa kế mà mỗi người được nhận.

Ông Trương Hữu N tự nguyện chịu tiền chi phí định giá tài sản. Án phí các bên phải nộp theo quy định của pháp luật.

- Ông Trương Hữu N có mặt trình bày: Tôi thống nhất với các nội dung mà người đại diện theo ủy quyền của tôi là ông Lê Minh H vừa trình bày nói trên và không bổ sung thêm. Đề nghị Tòa án công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trương Hữu N (đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Trương Hữu T, Trương Lệ L, Chu Thị O, Trần Thị Ngọc R) trình bày: Tôi có cùng ý kiến như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày nói trên và không bổ sung thêm.

- Bà Trương Lệ N (ủy quyền cho bà Trương Thị Thúy M đại diện), cháu Hoàng Thanh PT (có bà Trương Lệ L đại diện theo pháp luật) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Cháu Trương Ngọc P (có bà Chu Thị O đại diện theo pháp luật), bà Trương Ngọc Cẩm S, ông Trương Ngọc T (cùng ủy quyền cho bà Trần Thị Ngọc R đại diện), ông Lê Hữu U, ông Lê Hữu X, ông Hoàng Thanh Y, ông Hoàng Thanh I, ông Lê Hữu PA, ông Hoàng Thanh TI cùng có đơn xin vắng mặt.

Ông Trương Hữu N, bà Trương Thị Thúy M (có ông Nguyễn Văn Q đại diện) và bà Trương Thị Thu V cùng trình bày: Các ông bà không yêu cầu tòa giải quyết các khoản chi phí viện phí, ma chay cho ông Trương Hữu Đ và các khoản chi phí bỏ ra sửa chữa, tôn tạo nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đồng bị đơn là bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V làm trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận của đương sự. Án phí dân sự phúc thẩm, bị đơn kháng cáo phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm và tuyên bản án số 1142/2018/DS-ST. Ngày 05/11/2018, đồng bị đơn là bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V nộp đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của đồng bị đơn được nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, hợp lệ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ. Nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Minh H đại diện, đồng bị đơn bà Trương Thị Thúy M ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q đại diện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Trương Hữu T, Trương Lệ L, Chu Thị O, Trần Thị Ngọc R cùng ủy quyền cho ông Trương Hữu N đại diện; bà Trương Lệ N ủy quyền cho bà Trương Thị Thúy M, bà Trương Ngọc Cẩm S và ông Trương Ngọc Hoa cùng ủy quyền cho bà Trần Thị Ngọc R đại diện, các văn bản ủy quyền hợp lệ.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau:

2.1. Xác định nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 8688/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ và bà TH ngày 01/4/2002), là di sản của ông Trương Hữu Đ (chết năm 2012) và bà Đoàn Thị TH (chết năm 1974) để lại. Trị giá nhà, đất này là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng. Ông Đ và bà TH mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất này.

Ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH có 08 người con chung (không có con riêng, không có con nuôi) gồm các ông, bà: Trương Lệ N, Trương Hữu T, Trương Hữu TN, Trương Lệ L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N, Trương Thị Thu V, Trương Thanh TG. Tại thời điểm ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH chết, cha mẹ của ông Đ và bà TH đã chết.

2.2. Công nhận toàn bộ di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16/01/2008, số công chứng 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp đối với phần sở hữu của ông Đ (1/2 giá trị nhà, đất) và phần ông Đ được thừa kế của vợ là bà Đoàn Thị TH (1/18 giá trị nhà, đất) từ di sản thừa kế là nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người được nhận thừa kế từ di chúc của ông Trương Hữu Đ ngày 16/01/2008 là ông Trương Hữu N, phần thừa kế ông N được nhận theo di chúc là 10/18 giá trị nhà, đất nói trên.

2.3. Phần di sản thừa kế của bà Đoàn Thị TH để lại là $\frac{1}{2}$ nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị là: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, là tài sản chung chưa chia.

Những người được nhận di sản của bà Đoàn Thị TH là 09 (chín) người gồm: Ông Trương Hữu Đ (chồng bà TH) và các con của bà TH là các ông, bà: Trương Lê N, Trương Hữu T, Trương Hữu TN, Trương Lê L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N, Trương Thị Thu V, Trương Thanh TG. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1/18 giá trị nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương với số tiền là: 1.000.000.000 đồng : 9 = 111.111.111 (Một trăm mười một triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng).

Phần tài sản chung mà ông Trương Hữu TN (chết năm 1989) được nhận từ di sản của mẹ là bà Đoàn Thị TH (1/18 giá trị nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) được chia cho 04 người gồm: Ông Trương Hữu Đ (cha ông TN), bà Trần Thị Ngọc R (vợ ông TN) và 02 người con ông TN là bà Trương Ngọc Cẩm S, ông Trương Ngọc T. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1/72 giá trị nhà, đất nói trên, tương đương với số tiền là: 111.111.111 đồng : 4 = 27.777.777 (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Phần tài sản chung mà ông Trương Thanh TG (chết năm 2003) được nhận từ di sản của mẹ là bà Đoàn Thị TH (1/18 giá trị nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) được chia cho 03 người gồm: Ông Trương Hữu Đ (cha ông TG), bà Chu Thị O (vợ ông TG) và cháu Trương Ngọc P (con ông TG). Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1/54 giá trị nhà, đất nói trên, tương đương với số tiền là: 111.111.111 đồng : 3 = 37.037.037 (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi bảy ngàn không trăm ba mươi bảy đồng).

Phần thừa kế mà ông Trương Hữu Đ được hưởng từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG là: 27.777.777 đồng + 37.037.037 đồng = 64.814.814 (Sáu mươi bốn triệu tám trăm mười bốn ngàn tám trăm mười bốn đồng). Phần thừa kế này được chia cho 06 người con còn lại của ông Đ gồm các ông, bà: Trương Lê N, Trương Hữu T, Trương Lê L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N và Trương Thị Thu V; mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 7/1296 giá trị nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1) đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tương đương

với số tiền là: 64.814.814 đồng : 6 = 10.802.469 (Mười triệu tám trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Lê L, bà Trần Thị Ngọc R cùng hai con là bà Trương Ngọc Cẩm S và ông Trương Ngọc T (bà S và ông T cùng ủy quyền cho bà R đại diện), bà Chu Thị O cùng con là cháu Trương Ngọc P (do bà Chu Thị O là người đại diện theo pháp luật) về việc chuyển giao phần di sản mà các đương sự này được hưởng từ di sản của bà Đoàn Thị TH để lại cho ông Trương Hữu N.

2.4. Giao cho ông Trương Hữu N được quyền sở hữu nhà, đất số 731/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 01/4/2002, hồ sơ gốc số 8688/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền đối với nhà, đất nêu trên. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền nhà, đất do ông N tự nguyện chịu.

2.5. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm giao cho bà Trương Lê N, ông Trương Hữu T, bà Trương Thị Thúy M, bà Trương Thị Thu V mỗi người 121.913.000 (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn) đồng, trong đó 111.111.111 đồng là kỷ phần thừa kế mà các ông, bà N, Thành, Mai, Vân được nhận từ tài sản chung do bà Đoàn Thị TH để lại tương đương 1/18 giá trị nhà, đất tranh chấp và 10.802.469 đồng là phần thừa kế các đương sự này được nhận từ phần thừa kế mà ông Trương Hữu Đ được hưởng từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG.

2.6. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm giao trả cho bà Trương Lê L số tiền: 10.802.469 đồng là phần thừa kế mà bà L được nhận từ ông Trương Hữu Đ (phần ông Trương Hữu Đ được hưởng từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG).

2.7. Bà Trương Thị Thúy M và những người hiện đang cư trú tại nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giao nhà, đất nói trên cho ông Trương Hữu N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hữu N hỗ trợ cho bà Trương Thị Thúy M số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, để bà M ổn định cuộc sống.

Thời hạn giao tiền và giao nhà theo các thỏa thuận nói trên là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nếu quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, mà các đương sự chưa thực hiện các nội dung theo thỏa thuận nói trên, thì các đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để phân chia theo kỷ phần thừa kế mà các đương sự được nhận theo tỷ lệ.

2.8. Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hữu N về việc ông tự chịu tiền chi phí định giá tài sản.

2.9. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự thỏa thuận mỗi người phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vụ án thụ lý ngày 31/12/2007, nên căn cứ khoản 2 Điều 20 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án, thì án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này được tính theo Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Ông Trương Hữu N, tổng giá trị tài sản mà ông N được nhận là: 1.501.543.207 đồng (trong đó, 1.111.111.111 đồng là phần ông N được hưởng theo di chúc, 111.111.111 đồng là phần ông N được nhận từ di sản của bà TH, 111.111.111 đồng là phần ông N nhận chuyển giao từ bà L, 83.333.331 đồng là phần ông N nhận chuyển giao từ các ông, bà: Loan, Dung, Hòa; 74.074.074 đồng là phần ông N nhận chuyển giao từ bà Chu Thị O và cháu P; 10.802.496 đồng là phần ông N được nhận từ ông Đ (phần thừa kế của ông TN và Tùng để lại cho ông Đ)). Án phí là: $28.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \times 501.543.207 \text{ đồng}) = 28.501.543 \text{ đồng}$, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai số 002121 ngày 31/12/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N còn phải nộp thêm: 21.001.000 đồng;

- Các ông, bà: Trương Lệ N, Trương Hữu T, Trương Thị Thúy M và Trương Thị Thu V mỗi người phải nộp án phí tính trên giá trị tài sản mà mình được nhận (121.913.000 đồng) là: $5.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 21.913.000 \text{ đồng}) = 5.876.000 \text{ đồng}$;

- Bà Trương Lệ L phải nộp: 540.000 đồng.

Xét, sự thỏa thuận nói trên của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên đương sự kháng cáo là Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà M và bà V đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 226, Điều 246, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 674, Điều 627, khoản 3 Điều 628 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh thừa kế ngày 10/9/1990;

Căn cứ Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của đồng bị đơn – bà Trương Thị Thúy M (ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Q đại diện) và bà Trương Thị Thu V do nộp trong thời hạn luật định. Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Xác định nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 8688/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ và bà TH ngày 01/4/2002), là di sản của ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH. Trị giá nhà, đất này là 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, ông Đ và bà TH mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trương Hữu Đ và bà Đoàn Thị TH gồm các ông, bà: Trương Lê N, Trương Hữu T, Trương Hữu TN, Trương Lê L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N, Trương Thị Thu V, Trương Thanh TG.

2. Công nhận toàn bộ di chúc của ông Trương Hữu Đ lập ngày 16/01/2008, số công chứng 2429, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng A2, Thành phố Hồ Chí Minh, là hợp pháp đối với phần sở hữu của ông Đ và phần ông Đ được thừa kế của vợ là bà Đoàn Thị TH từ di sản thừa kế là nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người được nhận thừa kế từ di chúc của ông Trương Hữu Đ ngày 16/01/2008 là ông Trương Hữu N, phần thừa kế ông N được nhận theo di chúc là $\frac{10}{18}$ giá trị nhà, đất nói trên.

3. Phần di sản thừa kế của bà Đoàn Thị TH để lại là $\frac{1}{2}$ nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị là: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, được chia cho các ông, bà: Trương Hữu Đ, Trương Lê N, Trương Hữu T, Trương Hữu TN, Trương Lê L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N, Trương Thị Thu V, Trương Thanh TG. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là $\frac{1}{18}$ giá trị nhà, đất tương đương với số tiền là: 1.000.000.000 đồng : 9 = 111.111.111 (Một trăm mười một triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng).

Phần tài sản chung mà ông Trương Hữu TN (chết năm 1989) được nhận từ di sản của mẹ là bà Đoàn Thị TH (là 1/18 giá trị nhà, đất tranh chấp) được chia cho 04 người gồm: Ông Trương Hữu Đ, bà Trần Thị Ngọc R, bà Trương Ngọc Cẩm S và ông Trương Ngọc T. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1/72 giá trị nhà, đất nói trên tương đương với số tiền là: $111.111.111 \text{ đồng} : 4 = 27.777.777$ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

Phần tài sản chung mà ông Trương Thanh TG (chết năm 2003) được nhận từ di sản của mẹ là bà Đoàn Thị TH (là 1/18 giá trị nhà, đất tranh chấp) được chia cho 03 người gồm: Ông Trương Hữu Đ, bà Chu Thị O và cháu Trương Ngọc P. Mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 1/54 giá trị nhà, đất nói trên, tương đương với số tiền là: $111.111.111 \text{ đồng} : 3 = 37.037.037$ (Ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi bảy đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Lệ L, bà Trần Thị Ngọc R cùng hai con là bà Trương Ngọc Cẩm S và ông Trương Ngọc T (bà S và ông T cùng ủy quyền cho bà R đại diện), bà Chu Thị O cùng con là cháu Trương Ngọc P (do bà Chu Thị O là người đại diện theo pháp luật) về việc chuyển giao phần di sản mà các đương sự này được hưởng từ di sản của bà Đoàn Thị TH để lại cho ông Trương Hữu N.

Phần thừa kế mà ông Trương Hữu Đ được hưởng từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG là: $27.777.777 \text{ đồng} + 37.037.037 \text{ đồng} = 64.814.814$ (Sáu mươi bốn triệu tám trăm mười bốn nghìn tám trăm mười bốn đồng). Những người được hưởng phần thừa kế này gồm các ông, bà: Trương Lệ N, Trương Hữu T, Trương Lệ L, Trương Thị Thúy M, Trương Hữu N và Trương Thị Thu V; mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 7/1296 giá trị nhà, đất nói trên, tương đương với số tiền là: $64.814.814 \text{ đồng} : 6 = 10.802.469$ (Mười triệu tám trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng).

4. Giao cho ông Trương Hữu N được quyền sở hữu nhà, đất số 731/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 8688/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/4/2002 cho ông Đ và bà TH). Ông Trương Hữu N có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền đối với nhà, đất nêu trên. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình làm thủ tục chuyển đổi chủ quyền nhà, đất do ông N tự nguyện chịu.

5. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm giao trả cho bà Trương Lệ N, ông Trương Hữu T, bà Trương Thị Thúy M, bà Trương Thị Thu V mỗi người là: 121.913.000 (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn) đồng.

6. Ông Trương Hữu N có trách nhiệm giao trả cho bà Trương Lệ L số tiền: 10.802.469 đồng, là phần thừa kế mà bà L được nhận từ ông Trương Hữu Đ (phần ông Trương Hữu Đ được hưởng từ hai con là Trương Hữu TN và Trương Thanh TG).

7. Bà Trương Thị Thúy M và những người hiện đang cư trú tại nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm giao nhà, đất này cho ông Trương Hữu N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hữu N hỗ trợ cho bà Trương Thị Thúy M số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Thời hạn giao tiền và giao nhà theo các thỏa thuận nói trên là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nếu quá thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, mà các đương sự chưa giao đủ tiền và giao nhà theo nội dung thỏa thuận nói trên, thì các đương sự có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi nhà, đất số 734/1 (số mới 764/1), đường B, Phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, để phân chia theo kỹ phần thừa kế mà các đương sự được nhận theo tỷ lệ nói trên.

8. Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Hữu N về việc ông tự chịu tiền chi phí định giá tài sản. Ông N đã nộp đủ.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trương Hữu N phải nộp là: 28.501.543 đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai số 002121 ngày 31/12/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N còn phải nộp thêm: 21.001.000 đồng;

- Các ông, bà: Trương Lệ N, Trương Hữu T, Trương Thị Thúy M và Trương Thị Thu V mỗi người phải nộp án phí là: 5.876.000 đồng;

- Bà Trương Lệ L phải nộp: 540.000 đồng.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Thúy M và bà Trương Thị Thu V mỗi người phải nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà M và bà V đã nộp (do ông Lê Minh Tân nộp thay) theo các biên lai số: AA/2017/0041318, AA/2017/0041317 cùng ngày 05/11/2018, cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M và bà Thu V đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T/30).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ánh